

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/DS-PT

Ngày 26- 02-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức và bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký pH tòa: Ông Vũ Quang Hùng, Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Phạm Kim H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo ủy quyền là chị Mai Thị Ngọc A, sinh năm 1995 (Văn bản ủy quyền ngày 25/6/2019); Địa chỉ: T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Ông Lục Đức Th, sinh năm 1956 và bà Đường Thị Cúc H1, sinh năm 1959; Ông Th đại diện theo ủy quyền cho bà H1 (Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2019); Cùng địa chỉ: V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Đức M, sinh năm 1967; Địa chỉ: 267 V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo ủy quyền là chị Mai Thị Ngọc A, sinh năm 1995 (Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019); Địa chỉ: T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

-Người kháng cáo: Bà Trần Phạm Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mai Thị Ngọc A trình bày có nội dung như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2011, 2013 bà Trần Phạm Kim H có cho vợ chồng ông Lục Đức Th và bà Đường Thị Cúc H1 vay tổng số tiền là 519.000.000 đồng, ngày 28/3/2018 bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Th, bà H1 trả tổng số tiền nợ là 519.000.000 đồng. Sau đó, bà H thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện rút một phần yêu cầu đối với số tiền 319.000.000 đồng. Chỉ yêu cầu bà H1 trả tổng số tiền nợ là 200.000.000 đồng. Cụ thể, các lần vay tiền như sau: Ngày 29/01/2011 ông Th nhận 60.000.000 đồng; ngày 01/02/2011 bà H1 nhận 10.000.000 đồng; ngày 26/02/2011 bà H1 nhận 40.000.000 đồng; ngày 22/3/2011 bà H1 nhận 25.000.000 đồng; ngày 28/3/2011 bà H1 nhận 15.000.000 đồng; ngày 12/4/2011 bà H1 nhận 20.000.000 đồng; ngày 04/5/2011 bà H1 nhận 30.000.000 đồng. Số tiền này là tiền ông Th, bà H1 vay của bà H, khi nhận tiền từ bà H, ông Th, bà H1 có ghi đã nhận tiền và ký xác nhận. Việc vay tiền không thế chấp tài sản gì, không có thỏa Thuận lãi suất. Nay do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền nợ là 200.000.000 đồng. Về lãi suất không yêu cầu.

Ngoài ra vào tháng 01/2011 bà H có mua nhà, đất của vợ chồng ông Th với số tiền là 950.000.000 đồng, theo giấy nhận cọc tiền nhà vào tháng 01/2011 thì vợ chồng ông Th đã nhận của bà H số tiền cọc là 800.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại 150.000.000 đồng hẹn trả vào tháng 02/2011 (âm lịch). Do có tiền trước nên ngày 14/01/2011 bà H đã trả cho ông Th số tiền mua bán nhà, đất còn lại là 150.000.000 đồng ông Th đã ghi nhận tiền. Việc mua bán nhà, đất tại số V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chỉ viết giấy tay nhưng đến ngày 29/10/2013 các bên đến Phòng công chứng АД làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Ngày 30/7/2014 Ủy ban nhân dân thành phố B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất số BT 908168, thửa đất số 01, tờ bản đồ độc lập cho bà Trần Phạm Kim H. Nguyên đơn khẳng định số tiền 200.000.000 đồng là tiền bị đơn vay của nguyên đơn, không phải tiền nguyên đơn trả tiền chuyển nhượng nhà đất như bị đơn đã khai.

Tại các văn bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn bà H1, ông Th trình bày có nội dung như sau:

Vợ chồng bị đơn với bà H là hàng xóm với nhau, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn trả số tiền 200.000.000 đồng gồm các khoản: Ngày 29/01/2011 ông Th nhận 60.000.000 đồng; ngày 01/02/2011 bà H1 nhận 10.000.000 đồng; ngày 26/02/2011 bà H1 nhận 40.000.000 đồng; Ngày 22/3/2011 bà H1 nhận 25.000.000 đồng; ngày 28/3/2011 bà H1 nhận 15.000.000 đồng; ngày 12/4/2011 bà H1 nhận 20.000.000 đồng; ngày 04/5/2011 bà H1 nhận 30.000.000 đồng; tổng cộng là 200.000.000 đồng, bị đơn khẳng định đây không phải là tiền vay

mà là số tiền bà H trả tiền mua căn nhà, đất của bị đơn tại V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; tổng số tiền chuyển nhượng là 950.000.000 đồng cụ thể như sau.

Vào tháng 01/2011 bị đơn có viết giấy tay bán cho bà H căn nhà, đất tại V, phường K, thành phố B, giấy bán nhà không ghi ngày vào tháng 01/2011 với số tiền 950.000.000 đồng. Do giấy tờ nhà đang thế chấp tại Ngân hàng C – Chi nhánh B – Phòng giao dịch P để vay tiền, nên ngày 11/01/2011, bị đơn cùng bà H đến ngân hàng thỏa Thuận việc trả nợ các bên tiến hành chốt nợ tính đến ngày 21/01/2011 bị đơn còn nợ ngân hàng 543.850.000 đồng (Trong đó gốc 500.000.000 đồng; lãi 43.850.000 đồng) bà H cam kết là trả gốc và lãi cho Ngân hàng thay cho bị đơn số tiền 543.850.000 đồng, sau khi trả nợ xong ngân hàng giải chấp trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên làm thủ tục chuyển nhượng. Tổng cộng số tiền bà H trả cho tôi nhiều lần cụ thể: trả Ngân hàng 543.850.000 đồng; ngày 14/01/2011 trả 150.000.000 đồng; ngày 29/01/2011 trả 60.000.000 đồng; và 50.000.000 đồng là tiền mượn khác không ký nhận tính đến hết tháng 01/2011 tổng cộng số tiền bị đơn đã nhận của bà H là 800.000.000 đồng bị đơn thỏa Thuận viết giấy nhận đặt cọc cho bà H (do trả nhiều lần trong tháng 1/2011 nên bị đơn không ghi ngày). Số tiền còn lại 150.000.000 đồng bà H thỏa Thuận trả cho bị đơn vào tháng 2/2011(âm lịch): nhưng bà H trả làm nhiều lần khi nhận tiền bị đơn ghi vào sổ của bà H cụ thể như sau ngày 01/02/2011 bà H1 nhận 10.000.000 đồng; ngày 26/02/2011 bà H1 nhận 40.000.000 đồng; ngày 22/3/2011 bà H1 nhận 25.000.000 đồng; ngày 28/3/2011 bà H1 nhận 15.000.000 đồng; ngày 12/4/2011 bà H1 nhận 20.000.000 đồng; ngày 04/5/2011 bà H1 nhận 30.000.000 đồng. Tổng cộng 140.000.000 đồng, Bị đơn khẳng định số tiền bị đơn đã nhận của nguyên đơn 200.000.000 đồng từ ngày 29/01/2011 đến ngày 04/5/2011, là số tiền bà H trả tiền mua nhà, đất của bị đơn. Mặt khác, không có từ nào thể hiện việc bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 111/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147, Điều 220 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều Điều 255 và Điều 256, Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Phạm Kim H về việc yêu cầu bị đơn ông Lục Đức Th và bà Đường Thị Cúc H1 trả số tiền còn nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/12/2019, bà Trần Phạm Kim H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số: 111/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

****Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:***

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa xác định: Tháng 01 năm 2011, bà H với vợ chồng ông Th có ký giấy mua bán nhà đất tại Đ có thể hiện nội dung: Bà H đã trả cho vợ chồng ông Th số tiền 800.000.000 đồng, còn lại 150.000.000 đồng sẽ trả vào tháng 02 năm 2011 âm lịch. Từ tháng 02 năm 2011 vợ chồng ông Th nhận tiền của bà H nhiều lần với tổng số tiền 140.000.000 đồng. Các lần nhận tiền chỉ ghi nội dung là có nhận tiền của bà H, không thể hiện nội dung vay tiền cũng như thời hạn trả. Ngoài ra, trong khoảng thời gian đó bà H chưa trả hết tiền mà lại cho vợ chồng ông Th vay là mâu thuẫn và không phù hợp. Do đó, Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông Th phải trả cho bà H 200.000.000 đồng là phù hợp, nên kháng cáo của bà H là không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 , Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận đơn kháng cáo của đơn bà Trần Phạm Kim H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Phạm Kim H được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Trần Phạm Kim H cung cấp các chứng cứ thể hiện vào năm 2011 ông Th và bà H1 có vay tiền của bà. Cụ thể như sau: Ngày 29/01 /2011 ông Th nhận 60.000.000 đồng; ngày 01/02/2011 bà H1 nhận 10.000.000 đồng; ngày 26/02/2011 bà H1 nhận 40.000.000 đồng; ngày 22/ 3/2011 bà H1 nhận 25.000.000 đồng; ngày 28/3/2011 bà H1 nhận 15.000.000 đồng; ngày 12/4/2011 bà H1 nhận 20.000.000 đồng; ngày 04/5 /2011 bà H1 nhận 30.000.000 đồng; tổng cộng là 200.000.000 đồng

(Hai trăm triệu đồng), việc vay tiền ông Th, bà H1 đã nhận tiền và ký xác nhận vào sổ của nguyên đơn. Bà H yêu cầu ông Th, bà H1 trả cho bà 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) không yêu cầu tính lãi suất. Bị đơn ông Th, bà H1 thừa nhận đã nhận tiền của bà H vào các ngày nói trên nhưng đây là tiền bà H trả cho ông, bà về việc chuyển nhượng nhà, đất. Do không thống nhất được khoản tiền này nên xảy ra tranh chấp nên tranh chấp.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào tháng 01/2011 vợ chồng bị đơn có viết giấy chuyển nhượng toàn bộ nhà, đất tại số V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho nguyên đơn với giá là 950.000.000 đồng. Thời điểm này nhà, đất đang thế chấp trong Ngân hàng nên hai bên mới viết giấy tay với nhau. Cụ thể, theo giấy nhận cọc tiền bán nhà vào tháng 01/2011 không ghi ngày thì bị đơn đã nhận tiền cọc là 800.000.000 đồng, số tiền còn lại 150.000.000 đồng các bên thỏa Thuận trả vào tháng 02/2011 âm lịch. (tại Bút lục 106) vào ngày 14/01/2011, ông Th nhận của bà H số tiền 150.000.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận đây là số tiền mà nguyên đơn trả cho bị đơn từ việc chuyển nhượng nhà, đất.

Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Theo biên bản xác nhận ngày 11/01/2011 của Ngân hàng C – Chi nhánh B – Phòng giao dịch P viết tắt (Ngân hàng BE) thể hiện: Vào ngày 21/5/2010, vợ chồng ông Th vay của Ngân hàng BE số tiền 500.000.000 đồng thời hạn vay 12 tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 21/5/2011. Đến ngày 11/01/2011, ông Th muốn sang nhượng thửa đất đã thế chấp ngân hàng cho bà Trần Phạm Kim H, ông Th cùng bà H đến Ngân hàng thống nhất thỏa Th để bà H trả nợ cho ngân hàng, được Ngân hàng đồng ý. Tính đến ngày 21/01/2011 ông Th còn nợ ngân hàng cả gốc và lãi là 543.850.000 đồng. Bà H đã đóng lãi cho ngân hàng đến ngày 21/01/2011 là 43.850.000 đồng và bà H cam kết sẽ chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh tiếp theo cho ông Th. Các bên thống nhất khi bà H trả xong nợ thì ngân hàng sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên làm thủ tục chuyển nhượng.

Theo giấy thỏa Thuận ngày 11/01/2011 tổng số tiền bà H thỏa Th trả cho ngân hàng thay cho ông Th 543.850.000 đồng; ngày 14/01/2011 ông Th nhận 150.000.000 đồng; Ngày 29/01/2011 ông Th nhận 60.000.000 đồng; ngày 01/02/2011 bà H1 nhận 10.000.000 đồng; ngày 26/02/2011 bà H1 nhận 40.000.000 đồng; ngày 22/3/2011 bà H1 nhận 25.000.000 đồng; ngày 28/3/2011 bà H1 nhận 15.000.000 đồng; ngày 12/4/2011 bà H1 nhận 20.000.000 đồng; ngày 04/5/2011 bà H1 nhận 30.000.000 đồng; Ngoài ra, ông Th cho rằng có mượn của bà H trước đó 50.000.000 đồng nhưng không ghi giấy tờ tất cả các tài liệu, chứng cứ đều thể hiện việc ông Th, bà H1 nhận tiền của bà H, các lần nhận tiền này đều được ghi giống như lần ông Th nhận tiền bán nhà, đất cho bà H. Tổng cộng số tiền ông Th, bà H1 nhận của bà H phù hợp số tiền ông Th bán nhà, đất cho bà H. Mặt khác, những lần nhận tiền của của bà H ông Th, bà H1 đều ghi nhận tiền. Không có từ ngữ nào thể hiện việc ông Th, bà H1 vay tiền của H.

Ngoài ra, bà H không cung cấp cho Tòa án chứng cứ khác để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Phạm Kim H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Phạm Kim H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2019/DS-ST, ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147, Điều 220 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều Điều 255 và Điều 256, Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Phạm Kim H về việc yêu cầu bị đơn ông Lục Đức Th và bà Đường Thị Cúc H1 trả số tiền còn nợ gốc là 200.000.000 đồng.

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Phạm Kim H phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 12.180.000 đồng do ông Nguyễn Minh L đã nộp thay tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/003446 ngày 27/3/2018. Nguyên đơn bà Trần Phạm Kim H còn được nhận lại 2.180.000 đồng. Bị đơn ông Lục Đức Th và bà Đường Thị Cúc H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Phạm Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Trần Phạm Kim H (Chị Mai Thị Ngọc A nộp thay) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu tiền số AA/2019/0005428 ngày 10/12/2019.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành TP Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA**

(Đã Ký)

Đinh Thị Tuyết